TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **272**/2024/DS-ST
Ngày: 10/07/2024.
V/v tranh chấp: hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Nghiệm**

2. Bà **Nguyễn Thị Nhàn**

Thư ký phiên tòa: bà **Trần Thị Ngọc Thúy**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10 tháng 07 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2024/TLST-DS ngày 03/4/2024 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2024/QĐST-DS ngày 06/6/2024, quyết định hoãn phiên tòa số 107/2024/QĐST-DS ngày 24/06/2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **CÔNG TY T.**

Địa chỉ: Lầu 15 Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật ông TA – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền bà Trần Việt Nga – Phó Bộ phận quản lý Công nợ

Đại diện theo ủy quyền lại ông Nguyễn Văn T – Nhân viên

* Bị đơn: Bà **TRẦN THỊ HỒNG P -** sinh năm 2001.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

(ông T xin vắng mặt, bà P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty T trình bày: vào ngày 18/8/2023 Công ty T và bà Trần Thị Hồng P ký hợp đồng tín dụng số 54420004468042000 vay tiền mua xe máy theo hình thức trả góp hàng tháng. Số tiền vay 37.777.400 đồng; lãi

suất 3,1600%/tháng; thời hạn vay 24 tháng. Thực hiện hợp đồng Công ty đã giải ngân số tiền trên theo thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng tín dụng và bà P đã nhận tài sản. Theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng thì bà P có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc, lãi và phí quản lý khoản vay trong vòng 24 tháng, mỗi tháng bà P phải thanh toán cho Công ty số tiền là 2.281.279 đồng vào trước hoặc đúng ngày 22 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 22/9/2023. Từ ngày 24/9/2023 đến ngày 30/10/2023 bà P thanh toán cho Công ty được số tiền 4.566.501 đồng (trong đó nợ gốc 2.136.952 đồng, lãi 2.401.606 đồng, lãi quá hạn 3.943 đồng, phí quản lý khoản vay 24.000 đồng). Tuy nhiên, từ sau ngày 30/10/2023 đến nay bà P không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty và cố tình lẩn tránh. Vì vậy việc bà P không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận mà hai bên đã ký kết, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của JIVF. Nay công ty tài chính yêu cầu bà Trần Thị Hồng P trả tổng số tiền 45.086.670 đồng tính đến ngày 4/06/2024 (trong đó gốc 35.640.448 đồng, lãi 8.338.961 đồng, lãi quá hạn 1.011.261 đồng, phí quản lý khoản vay 96.000 đồng. Bà P tiếp tục phải thanh toán cho Công ty tiền lãi, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 4/06/2024 cho đến khi hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 54420004468042000 ngày 18/8/2023.

* Bị đơn bà Trần Thị Hồng P đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho bà P nhưng bà P không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty T.

Tại phiên Tòa hôm nay

Đại diện cho nguyên đơn Công ty T là ông Nguyễn Văn T xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu bà Trần Thị Hồng P trả lại cho Công ty Tài chính số tiền gốc là 35.640.448 đồng và lãi 9.671.933 đồng, lãi quá hạn là 1.487.717 đồng, phí 108.000 đồng, tổng cộng là 46.908.098 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Trần Thị Hồng P vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là hợp đồng vay tài sản.

[1] Xét đại diện nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt ông T.

[2] Xét bị đơn bà Trần Thị Hồng P đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà P vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bà P.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty T là có cơ sở vì giữa Công ty T và bà Trần Thị Hồng P có ký hợp đồng tín dụng số 54420004468042000 ngày 18/8/2023 vay tiền mua xe máy theo hình thức trả góp hàng tháng, số tiền vay 37.777.400 đồng; lãi suất 3,1600%/tháng; thời hạn vay 24 tháng. Phía công ty đã giải ngân cho bà P và bà P đã nhận tài sản. Theo thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng tín dụng thì bà P có trách nhiệm

thanh toán bao gồm gốc, lãi và phí quản lý khoản vay trong vòng 24 tháng, mỗi tháng bà P phải thanh toán cho Công ty số tiền là 2.281.279 đồng vào trước hoặc đúng ngày 22 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 22/9/2023. Từ ngày 24/9/2023 đến ngày 30/10/2023 bà P thanh toán cho Công ty được số tiền 4.566.501 đồng (trong đó nợ gốc 2.136.952 đồng, lãi 2.401.606 đồng, lãi quá hạn 3.943 đồng, phí quản lý khoản vay 24.000 đồng) rồi ngưng luôn cho đến nay, hiện bà P còn nợ vốn 35.640.448 đồng. Phía Công ty tài chính đã nhiều lần yêu cầu bà P thanh toán tiền nhưng bà P không thực hiện. Cho thấy bà P đã vi phạm vào Điều 3 và Điều 8 của hợp đồng tín dụng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T buộc bà Trần Thị Hồng P có trách nhiệm trả cho Công ty T số tiền gốc là 35.640.448 đồng.

[4] Về yêu cầu tính lãi của Công ty T yêu cầu tính lãi đến ngày Tòa xét xử là ngày 10/07/2024 gồm lãi 9.671.933 đồng, lãi quá hạn là 1.487.717 đồng, phí 108.000 đồng, tổng cộng là 11.267.650 đồng. Xét yêu cầu này là có cơ sở vì căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng về việc "quy định lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng", căn cứ vào điều 1 của hợp đồng tín dụng giữa Công ty T và bà P đã thỏa thuận mức lãi suất. Lãi suất mà phía Công ty T yêu cầu phù hợp với mức lãi suất của hợp đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của Công ty T, buộc bà P trả cho Công ty T số tiền lãi và phí là 11.267.650 đồng.

[5] Về thời gian trả: Công ty T yêu cầu bà P trả tiền vốn và lãi khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu này là có cơ sở vì số tiền này bà P để kéo dài không trả cho Công ty T đã ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty T nên cần buộc bà P trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 174, 175, 177, 227, 228, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự

- Áp dụng các Điều 274, 280, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015

- Áp dụng Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T

Buộc bà Trần Thị Hồng P có trách nhiệm trả cho Công ty T số tiền gốc là 35.640.448 đồng và lãi là 11.267.650 đồng, tổng cộng là **46.908.098** đồng (bốn mươi sáu triệu chín trăm lẻ tám nghìn không trăm chín mươi tám đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 11/07/2024 bà Trần Thị Hồng P, còn phải tiếp tục trả lãi cho Công ty T(JIVF) theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng số 54420004468042000 ngày 18/8/2023 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí:

- Bà Trần Thị Hồng P phải chịu **2.345.400** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Công ty T **980.000** đồng tiền tạm ứng án phí mà Công ty T đã nộp theo biên lai thu số 0009354 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Báo các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt án văn hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- THA.DS huyện Gò Công Tây
- Các đương sự.
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn T Anh